

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Hua Trai, khai thác nguồn nước mặt cho công trình thủy điện Nậm Trai 4****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số /GP-BTNMT ngày tháng năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với công trình thủy điện Nậm Trai 4;

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Hua Trai và đề nghị của Công ty tại Văn bản số 302/HT-BC ngày 11 tháng 02 năm 2020 và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Biên bản hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước công trình thủy điện Nậm Trai 4;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Hua Trai (có địa chỉ: bản Lè, xã Hua Trai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và đề nghị của Công ty tại Văn bản số 302/HT-BC ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với công trình thủy điện Nậm Trai 4, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước: thủy điện Nậm Trai 4.
2. Mục đích sử dụng nước của công trình: phát điện.
3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền: khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện (điện lượng trung bình hằng năm Eo là 42,2 triệu kWh).

4. Giá tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với mục đích khai thác nước dùng cho sản xuất thủy điện là: 1.305,11 đồng/kWh (tính bằng $70\% \times 1.864,44$ đồng/kWh).

5. Tổng số tiền phải nộp (từ năm 2018 đến năm 2030):

5.1. Tổng số tiền cấp quyền phải nộp là: **6.310.310.000 đồng**, trong đó:

- Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (từ ngày 20 tháng 3 năm 2020 đến hết ngày 19 tháng 3 năm 2030): 5.507.560.000 đồng.

- Theo đề nghị của Công ty (từ ngày 04 tháng 10 năm 2018 đến hết ngày 19 tháng 3 năm 2020): 802.750.000 đồng.

5.2. Tổng số tiền phân chia từng năm phải nộp như sau:

- Tổng số tiền phải nộp của các năm 2018, năm 2019 và năm 2020 là: 1.235.810.000 đồng.

- Số tiền phải nộp hàng năm của các năm tiếp theo là: 550.756.000 đồng.

- Số tiền phải nộp năm cuối cùng (năm 2030) là: 117.696.000 đồng.

6. Phương án nộp tiền: nộp theo Quý.

7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền cụ thể thực hiện theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh Sơn La.

Điều 2. Cục Thuế tỉnh Sơn La có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Hua Trai có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều 13 và Điều 17 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017, thì Công ty phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Sơn La và Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư thủy điện Hua Trai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Sơn La;
- Sở TN&MT Sơn La;
- Tổng Cục Thuế;
- Lưu: VT, VP, TNN, HSCP.

Lê Công Thành

